

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2-4
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	5-6
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-36
Phụ lục 1: Thuyết minh Tài sản cố định hữu hình	37
Phụ lục 2: Thuyết minh Nguồn vốn chủ sở hữu	38

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước – Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011, hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Thăng	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia) được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc do Công ty mới thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 486/BKHDT-DTRNN ngày 28 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc ghi nhận theo phương pháp giá gốc này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**  
Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Trọng Tiếu**



Số 11/BCKT/TC

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2013

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán ASC đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của **Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam** gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Tổng công ty chưa cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính năm 2012 của các Công ty liên kết, do đó chúng tôi chưa có đủ căn cứ để đưa ý kiến về việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại thời điểm 31/12/2012 cũng như chưa có các thông số để xác định lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty liên kết, liên doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được tập hợp từ các Báo cáo tài chính của các Công ty con; trong đó có 4 Báo cáo tài chính của 4 Công ty con đã được kiểm toán là: Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội, Công ty CP Khí cụ điện I, Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam, Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC. Hai Công ty con còn lại là Công ty CP Thiết bị điện và Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia) chưa có báo cáo kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia) được quy đổi ra đồng VN theo tỷ giá 20.828 VND/USD do đơn vị cung cấp.

Báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết bị điện được tập hợp trên số liệu của VP Công ty CP Thiết bị điện và Công ty CP Kinh doanh vật tư Thibidi. Số liệu của Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia) là Công ty con của Công ty CP Thiết bị điện chưa được cộng vào Báo cáo tài chính của Công ty CP thiết bị khi thực hiện cuộc kiểm toán hợp nhất này.

Chỉ tiêu Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm trên Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty là 9.741.363.900 đồng. Đây là số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty CP Thiết bị điện tập hợp từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Tuy nhiên, khoản này kiểm toán viên của Công ty con chưa đưa ra ý kiến xử lý theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về việc xử lý số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Kiểm toán viên tại các Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam và Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội cũng chưa đưa ra ý kiến về việc trích khấu hao quyền sử dụng đất không đúng với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính trên Báo cáo kiểm toán.

Khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn tại Công ty CP Thiết bị điện và Công ty CP Kinh doanh vật tư Thibidi không phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trên Báo cáo kiểm toán của các công ty này, kiểm toán viên cũng không đưa ra ý kiến về vấn đề này.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam* tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Chí Thành**

Chứng chỉ KTV số: 0647/KTV

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Hạnh**

Chứng chỉ KTV số: 0726/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.121.888.803.502</b>	<b>2.624.294.976.208</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>700.702.879.219</b>	<b>614.522.983.992</b>
1. Tiền	111	V.01	191.214.863.943	144.780.885.244
2. Các khoản tương đương tiền	112		509.488.015.276	469.742.098.748
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>283.933.012.300</b>	<b>31.132.416.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		298.983.686.200	31.132.416.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(15.050.673.900)	
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>955.639.420.107</b>	<b>761.679.088.469</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		845.708.849.915	674.704.241.550
2. Trả trước cho người bán	132		62.545.310.192	108.819.475.195
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	76.720.250.087	17.389.935.243
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(29.334.990.087)	(39.234.563.519)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.134.362.602.847</b>	<b>1.176.671.187.977</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.135.383.559.819	1.181.943.654.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.020.956.972)	(5.272.466.724)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.250.889.029</b>	<b>40.289.299.770</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.219.182.535	1.275.264.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.879.463.804	15.916.149.270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	740.534.207	3.045.558.364
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		39.411.708.483	20.052.327.411
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.425.489.203.812</b>	<b>1.241.722.969.677</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>845.246.170.243</b>	<b>560.631.768.859</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	550.045.841.502	415.135.774.343
- Nguyên giá	222		1.217.030.737.178	1.006.235.366.877
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(666.984.895.676)	(591.099.592.534)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	56.090.770.611	65.612.026.637
- Nguyên giá	228		63.364.398.750	73.122.402.225
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(7.273.628.139)	(7.510.375.588)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	239.109.558.130	79.883.967.879
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>478.924.907.416</b>	<b>558.628.921.453</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.890.825.111	29.379.302.111
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		443.464.772.379	516.947.462.192
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.251.234.056	13.771.128.150
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(3.681.924.130)	(1.468.971.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>101.318.126.153</b>	<b>122.462.279.365</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	87.954.670.985	101.072.828.586
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.297.407.168	12.323.402.779
3. Tài sản dài hạn khác	268		8.066.048.000	9.066.048.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.547.378.007.314</b>	<b>3.866.017.945.885</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.282.714.760.961</b>	<b>1.619.904.498.725</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.149.421.061.414</b>	<b>1.505.251.195.295</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	688.699.030.522	637.120.955.159
2. Phải trả người bán	312		398.498.493.316	169.544.298.815
3. Người mua trả tiền trước	313		49.204.268.153	47.338.023.517
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	44.925.091.979	71.400.305.611
5. Phải trả công nhân viên	315		101.652.109.640	86.781.668.842
6. Chi phí phải trả	316	V.17	139.730.740.966	78.586.003.149
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	684.504.779.194	362.172.661.731
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		13.224.478.061	24.305.366.887
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		28.982.069.583	28.001.911.584
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>133.293.699.547</b>	<b>114.653.303.430</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.885.633.992	3.549.885.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	64.617.030.832	46.217.721.511
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.741.363.900	4.744.938.102
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		30.098.239.289	35.036.336.738
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		18.951.431.534	25.104.422.079
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.000.000.000	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.836.818.892.346</b>	<b>1.876.390.990.511</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>1.829.708.425.122</b>	<b>1.875.619.444.715</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			(30.000.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(598.163.827)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.410.998.710	7.221.052.884
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.739.990.783	10.028.567.388
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		216.005.400	433.500.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		381.341.430.229	458.564.488.270
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>7.110.467.224</b>	<b>771.545.796</b>
1. Nguồn kinh phí	432		6.427.550.000	(29.000.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		682.917.224	800.545.796
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>C</b>		<b>427.844.354.007</b>	<b>369.722.456.649</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.547.378.007.314</b>	<b>3.866.017.945.885</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		182.185.560	3.544.874.920
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		9.630.621.748	9.632.580.409
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.097.876,96	7.707,94
- EUR		1.377,43	181,25
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000	33.000
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiều



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VL25	6.171.078.838.782	5.773.340.687.402
2. Các khoản giảm trừ	02	V.26	7.558.735.304	16.961.248.786
- Hàng bán bị trả lại	02c		7.558.735.304	16.961.248.786
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL27	6.163.520.103.478	5.756.379.438.616
4. Giá vốn hàng bán	11	VL28	5.203.204.136.198	4.816.840.776.861
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		960.315.967.281	939.538.661.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL29	161.798.804.926	87.495.780.157
7. Chi phí tài chính	22	VL30	123.614.547.838	144.091.479.741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.840.734.519	114.749.604.960
8. Chi phí bán hàng	24		158.563.409.509	206.440.454.392
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		288.242.725.432	256.304.571.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		551.694.089.428	420.197.936.153
11. Thu nhập khác	31		6.032.223.295	8.450.729.161
12. Chi phí khác	32		1.717.733.969	3.732.179.497
13. Lợi nhuận khác	40		4.314.489.326	4.718.549.664
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết	41		41.092.243.154	64.826.064.046
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		597.100.821.908	489.742.549.863
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL31	110.770.065.475	113.243.311.546
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VL34	4.111.171.346	(6.838.641.759)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		482.219.585.087	383.337.880.076
<i>Trong đó:</i>				
<i>Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ</i>			383.509.556.813	282.573.664.771
<i>Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông thiểu số</i>			98.710.028.274	100.764.215.305

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01	6.779.256.172.718
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5.997.719.577.896)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(350.120.322.185)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(104.843.777.855)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(143.494.384.513)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	984.641.440.931
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(592.792.677.311)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>574.926.873.889</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(342.695.833.403)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS	22	776.839.601
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(415.272.514.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	120.206.942.924
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.101.553.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.701.151.170
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	182.219.365.594
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(458.165.601.714)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32	156.900.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.609.249.844.811
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.463.157.410.526)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(176.866.826.525)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.617.492.240)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>86.143.779.935</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>614.522.983.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	36.115.292
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>700.702.879.219</b>

Người lập biểu

Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Tiêu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước – Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Khách sạn Bình Minh – Hà Nội	Số 27, Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tổng Công ty có các Công ty con sở hữu trực tiếp sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty CP Thiết bị điện	Đường 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai
- Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	KM12, QL32, Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty CP Khí cụ điện 1	Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Số 70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP SX và TM Emic	Số 91, Hoa Lâm, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Công ty CP TBD Việt Nam (Cambodia)	Số 49, đường QL 4, Phường P ơ Long Chês Rơ Tês, Quận Đông Kou, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

Tổng Công ty có các Công ty con sở hữu gián tiếp sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty CP Chế tạo bơm Hải Dương	Số 37, ĐL Hồ Chí Minh, TP Hải Dương
- Công ty CP Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Q Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh

Tổng Công ty có các Công ty liên kết sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Số 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội
- Công ty CP Vật tư và xây dựng Hà Nội	Số 39C, Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



Tổng Công ty có các Công ty liên kết gián tiếp thông qua sở hữu của Công ty con sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH SAS – CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Q Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tổng Công ty có các Công ty liên doanh sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Dây đồng Việt Nam	Đường 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

Thông tin về các Công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại thuyết minh số 13.

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

## 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011, hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

## **4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng TT 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **5. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2012. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng niên độ kế toán với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập, chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các bên liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

###### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá Ngân hàng giao dịch tại thời điểm kết thúc nên độ kế toán theo Thông 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

###### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán. Đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.